

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/02/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	16	0		14	0	
2		PVD6+PVD1	7:25	6+16	0+0		2+18	0+0	
3		TD3	7:25	22	0		20	0	
4		PPD+BK5+BK4	7:25	22+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	CHUYỂN 4 PAX TỪ BK5-BK4
5		TD5+TTC2+TTC3	7:25	14+4+4	0+0+0		10+0+0	0+0+0	
6		RP3	9:25	22	0		20	0	
7		P4+P5	9:25	20+2	0+0		16+1	0+0	
8		RC6+RP3	9:25	7+15	0+0		4+11	0+0	
9		RP2	9:25	22	0		22	0	
10		P4	11:25	22	0		0	0	
11		PVD1	11:25	22	0		20	0	
12		RP1	11:25	22	0		22	0	
13		TD3+RC4+RCDM	11:25	4+12+6	0+0+0		0+6+5	0+0+0	
14		RP3+RP1	13:25	16+6	0+0		15+5	0+0	
15		PPD+RP2	13:25	10+12	0+0		9+12	0+0	
16		PVD1+RC5+RC6	13:25	4+15+3	0+0+0		2+8+4	0+0+0	
17		RC3+RP3	13:25	8+14	0+0		5+0	0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/1 NGUOI P2 VỀ QUA TD3; RC6 3 NGUOI ĐI VỀ TRONG NGÀY.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HHai - Phuong	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM MINH TUAN	BK THIE	77	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	AVAKYAN	BK THIE					100	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN QUANG TUYEN	BK THIE	60	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI TRONG SON	BK THIE	62	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH TRI	BK THIE	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	KHONG THAI BINH	BK THIE					75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM THANH TUNG	BK THIE	63	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN DAN	BK THIE	76	1	4	130	65	KH-THAC	Vietnamese
9	VU TIEN VINH	BK THIE	74	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CHINH	BK THIE	59	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH NAM	BK THIE	75	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	KLY	BK THIE	65	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU QUANG THONG	BK THIE					70	KH-THAC	Vietnamese
14	GIANG TRUNG HIEU	BK THIE	64	1	6		104	KH-THAC	Vietnamese
15	LE QUY TOAN	BK THIE	61	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HONG SON	BK THIE	58	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	16	13	65	1.149	130	14		
	TOTAL	16	13	65	1.149	130	14		
	WEIGHT KG			65	1.149	130			

GRAND TOAL: 1.344 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: PVD6 - PVD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - Trường	ETA: 09:10
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỀ	PVD6	87-88	2	17	27	75	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN HOÀ	PVD6	89	1	12	40	70	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TÂN	PVD6	92-93	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN KHÁC SƠN	PVD6	46,94	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN CÔNG ĐỊNH	PVD6	90-91	2	16		70	XAYLAP	Vietnamese
6	LAI VĂN THANH	PVD1	01	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
7	HỒ XUÂN TUYẾN	PVD1	21	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
8	VU VĂN TIẾP	PVD1	06-07	2	17		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU SANG	PVD1	08-09	2	15		67	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THANH CHÂU	PVD1	12-13	2	15		71	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN KHÁC TRIỀU	PVD1	02-03	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
12	DƯƠNG TRIỀU HÙNG	PVD1	22	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
13	FRANKLIN DELANOR HENSON	PVD1	10-11	2	15		105	KHOAN	American
14	TRẦN DỤC TUNG	PVD1	04-05	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ MINH HẢI	PVD1	18	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
16	LA PHÚC	PVD1	20	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
17	DO VĂN BIÊN	PVD1	14	1	7		72	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM MINH THANG	PVD1	17	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN KHÁC LAM	PVD1	15	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
20	HUỲNH NGỌC BÌNH	PVD1	19	1	10		50	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DUY	PVD1	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

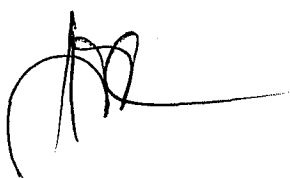
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	5	9	79	345	67	2		
2	PVD1	16	22	155	1.113	0	18		
TOTAL		21	31	234	1.458	67	20		
WEIGHT KG				234	1.458	67			

GRAND TOAL: 1.759 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Cương - L Hải - TDUNG	ETA: 09:30
TIM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THẮNG	TD3					88	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN CÔNG HÀ	TD3	15-16	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH CHÍ CÔNG	TD3	02	1	12		63	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	01	1	2	60	62	KHOAN	Vietnamese
5	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3	19	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM THANH DŨNG	TD3					72	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG HUY LONG	TD3	18	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẶNG ĐÌNH ĐÌNH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TU HỢP	TD3	17	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN XUYẾN	TD3	09	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	04	1	7		83	KHOAN	Vietnamese
12	KHÔNG QUỐC HUNG	TD3	14	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NGỌC NGHĨA	TD3	06	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD3	13	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
15	VŨ TIẾN LỰC	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VĂN THƯƠNG	TD3	08	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD3	05	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
18	NGÔ DUY NGỌC	TD3	11	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN VĂN MẠNH	TD3	12	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN ĐÔNG HUNG	TD3	10	1	8		80	KHOAN	Vietnamese
21	TÀ BA HOAN	TD3	07	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HẢI	TD3	03	1	6		77	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	19	128	1.493	60	20		
TOTAL		22	19	128	1.493	60	20		
WEIGHT KG				128	1.493	60			

GRAND TOAL: 1.681 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: PPD - BK5 - BK4	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	90	1	5	40	73	KH-THAC	Vietnamese
2	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	80-81	2	5	9	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIỀN QUANG	PPD	89	1	5		66	KHI	Vietnamese
4	NGÔ SỸ THANH	PPD	96	1	3		88	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	91	1	4		73	KHI	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	29	1	6		54	KHI	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC HOÀNG	PPD	79	1	5		66	KHI	Vietnamese
8	LÊ NGỌC SƠN	PPD	92	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	84	1	3		74	KHI	Vietnamese
10	OKOVANSEV G.P	PPD	32-33	2	14		115	KHI	Russian
11	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	PPD	83	1	4		69	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	31	1	5		78	KHI	Vietnamese
13	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	85	1	4		70	KHI	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC THẠNH	PPD	27	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	PPD	26	1	4		65	KHI	Vietnamese
16	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	28	1	7		71	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HOÀNG	PPD	30	1	5		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	86	1	10		76	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	82	1	5		70	KHI	Vietnamese
20	VŨ VĂN SÔNG	PPD	87	1	5		72	KHI	Vietnamese
21	NGÔ XUÂN HUƠNG	PPD	78	1	4		75	KHI	Vietnamese
22	LÊ TRUNG LAN	PPD	88	1	4		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

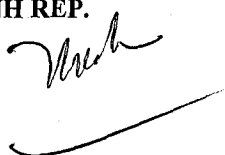
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	24	117	1.620	49	17		CHUYEN 4 PAX TU BK5 SANG BK4
2	BK5	0	0	0	0	45	0		
3	BK4	0	0	0	0	20	0		
TOTAL		22	24	117	1.620	114	17		
WEIGHT KG				117	1.620	114			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: TD5 - TTC2 - TTC3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Hdi MMinh - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH LAM	TD5					66	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN MANH THU	TD5	52	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	54	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
4	VÔ SI HOAI THANH	TD5	44	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHAN HOANG LAM	TD5	49	1	3		69	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH HOANG KHANH	TD5	46	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HOANH VU	TD5	55	1	2	70	77	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC DANH	TD5	42	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ TIEN DUNG	TD5	50-51	2	11		71	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ HUY TIEN HAI	TD5	45	1	7		66	KHOAN	Vietnamese
11	ĐANG MINH KHAI	TD5	48	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NGA	TD5	53	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	TD5	43	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THỤ	TD5	47	1	5		62	DVL	Vietnamese
15	ANATOLI GLYBOVSKI	TTC2	73	1	5		85	KH-THAC	Russian
16	TRẦN VĂN CHANH	TTC2	75	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LÊ	TTC2	74	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	TẠ TRUNG DUNG	TTC2	76	1	7	15	90	KH-THAC	Vietnamese
19	YUKHIMCHUCK A.	TTC3	16	1	9		80	KH-THAC	Russian
20	VŨ NGỌC TŨ	TTC3	11	1	7	26	69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN ĐÔNG	TTC3	12-13	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN TAN PHONG	TTC3	14-15	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	14	14	63	940	70	40		
2	TTC2	4	4	26	304	15	0		
3	TTC3	4	6	41	273	26	0		
TOTAL		22	24	130	1.517	111	40		
WEIGHT KG				130	1.517	111			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: RP3	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Khang - CHIẾN - Trường	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHEREMENTEV	RP3	97	1	9		82	D-HANH	Russian
2	PHUNG QUOC THANG	RP3	89	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
3	TRAN TRUNG HIỆP	RP3	84	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN ĐỨC THUẬN	RP3	87	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM DUY NHIÊN	RP3	83	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH TAN NGON	RP3	82	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH TUNG *TT	RP3					72	KH-THAC	Vietnamese
8	REVIKIN V.N	RP3	96	1	10		100	KHI	Russian
9	NGUYEN CHINH THI	RP3	88	1	5		65	KHI	Vietnamese
10	LÊ NHƯ NGUYEN	RP3	99,800	2	10		62	KHI	Vietnamese
11	HA VAN THUY	RP3	67	1	5		70	KHI	Vietnamese
12	PHAM VAN KY	RP3	79	1	3		70	KHI	Vietnamese
13	BUI VAN PHU	RP3	81	1	3		75	KHI	Vietnamese
14	PHAM QUOC KHANH	RP3					85	KHI	Vietnamese
15	VÔ ĐON LONG	RP3	85	1	6	100	60	KHI	Vietnamese
16	HOANG VAN HAI	RP3	90-91	2	12		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TUNG	RP3	35	1	5		65	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VIET KY	RP3	98	1	2		72	KHI	Vietnamese
19	NGO NGOC HAN	RP3	92	1	3		70	KHI	Vietnamese
20	PHAM HONG LINH	RP3	80	1	3		75	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN MINH KHOA	RP3	86	1	4		72	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG HUY	RP3	93-95	3	17		70	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	24	119	1.595	100	21		1 NB NGUYEN THI THU THAO
	TOTAL	22	24	119	1.595	100	21		
	WEIGHT KG			119	1.595	100			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Cương - Khanh - TDUNG	ETA: 11:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	P4	54	1	12		90	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ ANH TUÂN	P4	53	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
3	TRẦN ĐƯƠNG	P4	52	1	8		63	CODIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRUNG PHONG	P4	55	1	10		66	CODIEN	Vietnamese
5	NÔNG MINH HAI	P4	65	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
6	ZAGYDAEV V.E	P4	59	1	4		75	KHI	Russian
7	LÊ VĂN HOÀN	P4	64	1	3		68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	P4	61	1	2		60	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HA	P4	63	1	3		68	KHI	Vietnamese
10	PHẠM QUỐC DUY	P4	66	1	3		62	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	P4	60	1	7		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	57	1	6	100	72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P4	69	1	6		68	YTE	Vietnamese
14	TRẦN ĐẠI	P4	62	1	8		70	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN MẠNH	P4					60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ HUY	P4	58	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	DƯƠNG ĐÌNH HIEN	P4	68	1	3		70	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	67	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	LÊ QUANG VINH	P4	56	1	9		71	KHI	Vietnamese
20	MARJIEV M. M-C	P4	51	1	5		82	KH-THAC	Russian
21	CAO QUANG HUNG	P5	51	1	10		106	CODIEN	Vietnamese
22	VÔ NGỌC THAI SƠN	P5	53	1	12	70	60	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	20	19	116	1.387	100	17		
2	P5	2	2	22	166	70	1		
TOTAL		22	21	138	1.553	170	18		
WEIGHT KG				138	1.553	170			

GRAND TOAL: 1.861 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: RC6 - RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - Phong - Toan	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC6				60	75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VĂN LINH	RC6					68	NIPI	Vietnamese
3	CHERNHIADEV	RC6	23	1	5		70	NIPI	Russian
4	NGUYỄN TUẤN VIỆT	RC6	20	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	RC6	09	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRÌNH VĂN TIỀN	RC6	21	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ QUỐC HUY	RC6	22	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
8	FIRSOV	RP3	49	1	5	10	98	ANTOAN	Russian
9	TRẦN VĂN MINH	RP3	57	1	6		82	YTE	Vietnamese
10	NG. KIM SƠN	RP3	50-51	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NG. PHƯỚC LỘC	RP3	66	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	52	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	53-54	2	3		81	KH-THAC	Vietnamese
14	VÔ HỒ HAI	RP3	59	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIA THIÊN	RP3	61	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN QUÝ HẢI	RP3	64	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
17	VÔ TẤN CHÂU	RP3	55	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	56	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	CAO ĐỨC THANH	RP3	63	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	62	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	60	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VĂN HỒI	RP3	58	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	5	19	505	60	4		NB: NGUYEN HONG VIET
2	RP3	15	17	74	1.101	10	17		
TOTAL		22	22	93	1.606	70	21		
WEIGHT KG				93	1.606	70			

GRAND TOAL: 1.769 KGS

VSP REP

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Hồi - MMinh - Luy	ETA: 11:30
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TARASENKO ALEXEY	RP2	79	1	8	80	72	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	74	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	71	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN TÂN TÀI	RP2					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HIẾU	RP2	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN SƠN	RP2	75	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
7	VÕ THANH NHẬT	RP2	68	1	3		83	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN DOÀN BÌNH	RP2	67	1	8		68	YTE	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	76	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	66	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	77	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC TRƯỞNG	RP2	70	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	80-82	3	13		67	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG NGỌC LAN	RP2					85	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ĐỨC OANH	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN DŨNG	RP2	73	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ HỮU QUAN	RP2	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VÕ HOÀNG CẨM	RP2					67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	65	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ LAM	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN KIM NGÂN	RP2	69	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	18	88	1.545	80	22		
	TOTAL	22	18	88	1.545	80	22		
	WEIGHT KG			88	1.545	80			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - N.Nam	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG CÔNG THÌN	P4	87	1	7		72	KHI	Vietnamese
2	BUI AN	P4	90	1	8		78	KHI	Vietnamese
3	TRẦN HẬU THỌ	P4	93	1	7		59	KHI	Vietnamese
4	LÊ HUYỀN SÂM	P4	78	1	11		60	KHI	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MẠNH	P4	82-83	2	16		80	KHI	Vietnamese
6	BUI VĂN HÀ	P4	91	1	7		67	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH THĂNG	P4	92	1	9		55	KHI	Vietnamese
8	VÔ HỒNG QUÂN	P4	88	1	6		93	KHI	Vietnamese
9	NGÔ QUANG KIỆM	P4	77	1	12		55	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	79	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	RAKHMATULIN	P4	95	1	7		75	NIPI	Russian
12	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	75	1	5		68	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	P4	80-81	2	16		85	CODIEN	Vietnamese
14	ĐẶNG QUANG LỘC	P4	85	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG ĐỨC HAI	P4	97	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	P4	89	1	13		60	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LÊM	P4	76	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
18	PHI DUY HOAN	P4	98	1	7		75	CODIEN	Vietnamese
19	CAO XUÂN DUNG	P4	84	1	10		65	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	P4	86	1	9		65	CODIEN	Vietnamese
21	VU NGỌC CANH	P4	96	1	13	117	73	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN THƯA THAI	P4	94	1	8		63	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	24	206	1.515	117	0		
	TOTAL	22	24	206	1.515	117	0		
	WEIGHT KG			206	1.515	117			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàì - TDUNG	ETA: 13:50
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	PVD1	63	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DAI	PVD1	44	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
3	DO PHU DAT	PVD1	45	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC BAO TU	PVD1	51	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN TANG	PVD1	60	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
6	DOAN VAN HUNG	PVD1	50	1	5		58	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN TRUNG	PVD1	58	1	3		59	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN KHAC NGOC	PVD1	52	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN CHIEN THANG	PVD1	61	1	5	15	67	KHOAN	Vietnamese
10	VO VAN DINH	PVD1	59	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN VU DUC	PVD1	64	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN GIANG	PVD1	53	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC DANG	PVD1	70	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM XUAN PHU	PVD1	69	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN DUC	PVD1	43	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
16	MAI QUANG MINH	PVD1	62	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
17	MAI HAI LONG	PVD1	65	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
18	BUI CONG MINH	PVD1	54-55	2	14		62	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HOA	PVD1	46-47	2	15		60	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HONG QUANG	PVD1	48-49	2	17		74	KHOAN	Vietnamese
21	VU QUANG	PVD1	66	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TRUONG SINH	PVD1	56-57	2	18		74	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	22	26	178	1.436	15	22		
TOTAL		22	26	178	1.436	15	22		
WEIGHT KG				178	1.436	15			

GRAND TOAL: 1.629 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐẠI	RP1	542	1	5	45	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG BA ĐIỀU	RP1	545	1	2		58	YTE	Vietnamese
3	ZAKHARIN	RP1	77-78	2	17		90	KH-THAC	Russian
4	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN TUẤN ANH	RP1	45	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN THAI	RP1	54	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGỌC LONG	RP1	544	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG CÔNG THANH	RP1	53	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	CU NGỌC BẠN	RP1	50	1	4		51	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH ĐƯƠNG	RP1	40	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRI KHANH	RP1	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NANG	RP1	543	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	HÀ QUỐC HOÀN	RP1	541	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1	41	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO VĂN THANH	RP1	42	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	51	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	48	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM BA TÀI	RP1	56	1	2		69	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	44	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠNG THANH DÂN	RP1	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TOÀN	RP1	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	TÔ NGUYỄN MINH KHÔI	RP1	49	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	22	121	1.549	45	22		
TOTAL		22	22	121	1.549	45	22		
WEIGHT KG				121	1.549	45			

GRAND TOAL: 1.715 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: TD3 - RC4 - RCDM	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Nam Linh - MQUÂN	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ XUÂN TÙNG	TD3	26	1	7		55	ANTOAN	Vietnamese
2	NGO THANH SON	TD3	25	1	9		75	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN MANH	TD3	23	1	8		60	DVL	Vietnamese
4	QUACH ĐẮC THẠ	TD3	24	1	3		60	PSV	Vietnamese
5	TRẦN NAM TRUNG	RC4	07	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH HAI	RC4	06	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG BÌNH	RC4	16	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG TIN	RC4	09-10	2	17	38	100	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ĐÌNH LỘC	RC4	17-18	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH MINH TRI	RC4	08	1	4	20	52	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐÌNH VĂN THÔNG	RC4	13	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VIỆT BANG	RC4	11	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ HỮU HA	RC4	12	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUỐC VIỆT	RC4	14-15	2	17		65	PSV	Vietnamese
15	VŨ PHƯƠNG HUY	RC4	20	1	7		67	DK9	Vietnamese
16	BUI ĐỨC HẬU	RC4	98	1	8		56	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ QUANG TUYẾN	RCDM	95	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH MINH SANG	RCDM	96	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VĂN LẠ	RCDM				30	70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG VĂN THANH	RCDM	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN ĐÌNH TRỌNG	RCDM	94	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ VĂN THANH	RCDM					70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	4	4	27	250	0	0		
2	RC4	12	15	116	834	58	6		
3	RCDM	6	4	25	418	30	5		
TOTAL		22	23	168	1.502	88	11		
WEIGHT KG				168	1.502	88			

GRAND TOAL: 1.758 KGS

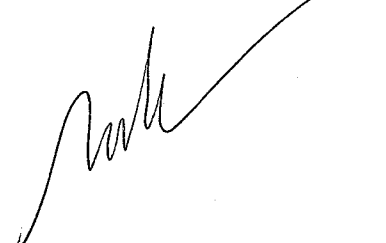
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 416	ETD: 14:20
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: PHÚ - Lhài - TDUNG	ETA: 16:00
CAM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TIỀN	RP3	79	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	31	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	69-70	2	13		65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH QUANG THÀNH	RP3	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TÂN TRỌNG	RP3	33	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HAI HÀ *TT	RP3	80	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ THANH LAM	RP3	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG HAI HÀ	RP3	32	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐÔNG	RP3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HIỀN	RP3	77	1	2		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH NAM	RP3	73-74	2	14		60	KHI	Vietnamese
13	LÊ THANH TRUNG	RP3	71	1	5		65	KHI	Vietnamese
14	PHẠM HỒNG THAI	RP3	75	1	5		66	KHI	Vietnamese
15	VU NGỌC TUÂN	RP3	76	1	5		85	KHI	Vietnamese
16	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	68	1	7		78	KHI	Vietnamese
17	VU BA NẾP	RP1	77	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	78	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LY BĂNG	RP1	79	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VĂN HÙNG	RP1	82	1	5	30	70	T-TIN	Vietnamese
21	VU VĂN CUNG	RP1	80-81	2	18		65	T-TIN	Vietnamese
22	ĐINH XUÂN TOÀN	RP1	83-84	2	15	30	60	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	18	100	1.120	0	3		
2	RP1	6	8	60	409	60	5		
TOTAL		22	26	160	1.529	60	8		
WEIGHT KG				160	1.529	60			

GRAND TOAL: 1.749 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: PPD - RP2	AIRCRAFT: 426	ETD: 14:05
FLIGHT: 15	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 15:45
TIM-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC KHUYỀN	PPD	35	1	5		74	KHI	Vietnamese
2	ĐAO ANH TUẤN	PPD	38	1	5		65	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN ANH SƠN	PPD	37	1	5	110	62	KHI	Vietnamese
4	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	36	1	5		85	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TRỰC	PPD	39	1	4		67	KHI	Vietnamese
6	HUYNH NAM LONG	PPD	34	1	12		68	KHI	Vietnamese
7	LƯƠNG MANH DƯƠNG	PPD	41	1	7		62	KHI	Vietnamese
8	BUI ĐĂNG TIẾN	PPD	40	1	10		70	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN LỘNG	PPD	42	1	5		54	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HỮU CUÔNG	PPD	43	1	7		50	PSV	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN SAU	RP2	88	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NGỌC THÂN	RP2					72	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	40-41	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ CHI CÔNG	RP2	43	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VIỆT TRƯỞNG	RP2	42	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	39	1	5		95	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI QUANG THUẬN	RP2	93	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐAO XUÂN THỌ	RP2	89	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
19	VŨ THANH TIẾN	RP2	92	1	4		52	GETRACO	Vietnamese
20	VƯƠNG KHA KIỀU	RP2	91	1	4		70	GETRACO	Vietnamese
21	HỒ VĂN THẢO	RP2	90	1	2		70	GETRACO	Vietnamese
22	BUI VĂN QUÂN	RP2	87	1	2		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	10	10	65	657	110	9		
2	RP2	12	12	58	847	0	12		
TOTAL		22	22	123	1.504	110	21		
WEIGHT KG				123	1.504	110			

GRAND TOAL: 1.737 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/02/2019	TO: PVD1 - RC5 - RC6	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:00
FLIGHT: 16	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - N.Nam	ETA: 15:40
XANH -4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM HỒNG QUY	PVD1	65	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THƯ	PVD1	64	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
3	LƯU BA XÔ	PVD1	62-63	2	11	18	77	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN SỸ TUÂN	PVD1	61	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRỌNG	RC5	42-43	2	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỒNG LINH	RC5	95	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TRI	RC5	96	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH LỢI	RC5	94	1	10		56	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO THANH HỢP	RC5	86	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	VÔ VĂN ĐÔNG	RC5	06	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN THUẬN	RC5	90	1	5	90	66	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HUNG	RC5				10	55	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH VĂN LIÊN	RC5	97	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	RC5	93	1	14		77	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG QUANG TUU	RC5	56,85	2	11		70	T-TIN	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN HỒNG	RC5	89	1	3		56	PSV	Vietnamese
17	TRẦN ANH QUANG	RC5	87-88	2	11		76	CODIEN	Vietnamese
18	ĐỖ ĐỨC ANH	RC5	91-92	2	15		81	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN QUỐC QUAN	RC5	99,900	2	15		80	CODIEN	Vietnamese
20	DƯƠNG NHẬT THANH	RC6	55	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI SINH CUNG	RC6	56-57	2	12		61	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	60	1	5		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	4	5	38	288	18	2		
2	RC5	15	19	122	1.036	100	8		
3	RC6	3	4	27	215	0	4		
TOTAL		22	28	187	1.539	118	14		
WEIGHT KG				187	1.539	118			

GRAND TOAL: 1.844 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/02/2019	TO: RC3 - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:10
FLIGHT: 17	FROM: VT	CREW: Nuri - Linh - MQUÂN	ETA: 15:50
VANG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC KHANG	RC3	39	1	9		82	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ LÊ TRUNG	RC3	38	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
3	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	37	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THẾ MANH	RC3					76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ KHANH NAM	RC3	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SY HIEU	RC3	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NAM SƠN	RC3	41	1	5	35	84	GETRACO	Vietnamese
8	VŨ VIỆT SƠN	RC3	40	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG NAM	RP3	08	1	7		64	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN TRỌNG ĐẠI NGHĨA	RP3	09	1	10		76	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VƯƠNG HUNG	RP3					82	KHI	Vietnamese
12	PHẠM THANH TU	RP3	10-11	2	16	35	85	KHI	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH HAI	RP3	17	1	10	92	76	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN VŨ HIỆP	RP3	01-02	2	7		65	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN QUAN	RP3	05	1	4		75	KHI	Vietnamese
16	PHẠM TUẤN KHANG	RP3	06	1	7		60	KHI	Vietnamese
17	VŨ KHẮC TOÀN	RP3	03-04	2	12		76	KHI	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC DINH	RP3	14	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẠO AN TUẤN	RP3	12-13	2	20		52	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN VIỆT LỘC	RP3	15-16	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN MAI CUONG	RP3					60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN CÔNG MẠNH	RP3	07	1	6		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	8	7	42	561	35	5		
2	RP3	14	17	127	984	127	0		
TOTAL		22	24	169	1.545	162	5		
WEIGHT KG				169	1.545	162			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN




LĐ VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/02/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO	7:25	21	0		18	0	
2		BK9+VSP02	7:25	9+13	0+0		6+14	0+0	
3		TD1+VSP01+HST	7:25	15+5+2	0+0+0		11+0+2	0+0+0	
4		VSP02	7:25	22	0		18	0	
5		P6+AMD	9:25	3+19	0+0		0+19	0+0	
6		P8+CTK3	9:25	12+10	0+0		0+12	0+0	
7		BK14+TD1+CNV	9:25	6+10+6	0+0+0		4+0+6	0+0+0	
8		PPD	9:25	22	0		21	0	
9		CTK3+BK9	11:25	21+0	0+0		17+4	0+0	
10		RP3	11:25	22	0		5	0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 NGƯỜI ĐI ĐI GTC1 QUA CLO 2/ 4 NGƯỜI ĐI BK9 VỀ TRONG NGÀY

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TTrung - Nam - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	27	1	4	50	79	KHOAN	Vietnamese
2	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	54	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	31	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	39	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN VINH	CLO	36	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
6	ĐÀU VĂN MINH	CLO	33	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	35	1	2	14	75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	CLO	32	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ THANH LIÊM	CLO	34	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	42	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN GIA THẢO*PK-PVD	CLO	30	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	CLO	49	1	7	12	79	KHOAN	Vietnamese
13	HỒ MINH TRINH	CLO	53	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐOÀN BÙU TÂM	CLO	26	1	10		105	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN THE TRA	CLO	28-29	2	20		69	SCHLUMBE	Vietnamese
16	SYARIPUDIN	CLO	24-25	2	20		77	SCHLUMBE	Indonesian
17	NGUYEN PHƯỚC AN	CLO	20-21	2	20		64	SCHLUMBE	Vietnamese
18	BONIFACIO MURZELLO	CLO	22-23	2	16		75	SCHLUMBE	Indian
19	HOANG HUU TRỌNG	CLO	40-41	2	20		72	CODIEN	Vietnamese
20	PHẠM HUY ĐÌNH	CLO	50	1	6		59	T-TIN	Vietnamese
21	VU ANH MINH	CLO	46	1	10	14	75	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	26	180	1.558	90	18		
	TOTAL	21	26	180	1.558	90	18		
	WEIGHT KG			180	1.558	90			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: BK9 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Hồi - ĐTuấn - Trường	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ANH SON	BK9					60	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HOAI VU	BK9					70	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG VINH	BK9	77	1	5	80	92	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LAM	BK9	71	1	4		88	ANTOAN	Vietnamese
5	LUU VAN SON	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
6	VO THE HAU	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
7	LE TRUONG AN	BK9	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN TRUNG KIEN	BK9	72	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI ĐỨC KHANH	BK9	69	1	5		52	PSV	Vietnamese
10	EDUARD YANDYAN	VSP02	53	1	15		80	KH-THAC	Russian
11	NGUYEN VAN QUAN	VSP02	54	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH TAN	VSP02	50	1	10		75	YTE	Vietnamese
13	BODAN KARPENKO	VSP02	55	1	10		85	KH-THAC	Russian
14	SERGIENKO SERGEY	VSP02	57	1	10		75	KH-THAC	Russian
15	LE VAN HIỆP	VSP02	51	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	58	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH HOAN	VSP02	59	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỖ DUY HOAN	VSP02	60	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN ĐÔNG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	56	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN TRUONG	VSP02	52	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	9	5	22	657	80	6		
2	VSP02	13	12	93	968	0	14		
TOTAL		22	17	115	1.625	80	20		
WEIGHT KG				115	1.625	80			

GRAND TOAL: 1.820 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2019	TO: TD1 - VSP01 - HST	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE TRONG LUONG	TD1	10	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
2	VU DINH PHONG	TD1	08	1	4		61	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH THUY	TD1					62	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	06	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	DO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	09	1	4	6	74	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN NHU BANG	TD1	07	1	5	20	55	KHOAN	Vietnamese
7	LE VAN NGUYEN	TD1	11	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN MINH SON	TD1	13	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
9	VU MANH HAI	TD1	17	1	5	80	80	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH CAO TRONG	TD1	14	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN HOAN	TD1	12	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
12	BUI NGOC QUANG	TD1	21-22	2	11		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HAI	TD1	15	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI VAN ANH	TD1	16	1	14		84	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VANKY	TD1	18	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN NGOC ANH TUAN	VSP01	98	1	12		74	D-HANH	Vietnamese
17	TRAN ANH MINH	VSP01	95	1	4	19	69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN MANH KHOAN	VSP01	96	1	4		55	NIPI	Vietnamese
19	DOLGOPIATOV	VSP01	93	1	8		120	NIPI	Russian
20	TRAN QUANG MINH	VSP01	97	1	6		74	NIPI	Vietnamese
21	NGUYEN BA QUAN	HST	78-79	2	13		78	KH-THAC	Vietnamese
22	LE VAN PHANG	HST	77	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	15	15	92	1.029	106	11		
2	VSP01	5	5	34	392	19	0		
3	HST	2	3	19	138	0	2		
TOTAL		22	23	145	1.559	125	13		
WEIGHT KG				145	1.559	125			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: VSP02	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Cương - Khanh - TDUNG	ETA: 09:30
HONG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02				70	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	12	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	90	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	93	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DUY PHÚC	VSP02	11	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	87	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	86	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠ VĂN CƯỜNG	VSP02	89	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BÌNH	VSP02	08	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	09	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN THANH MAI	VSP02	82	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	91	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	10	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	88	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	92	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	95	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	07	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TIẾN HÙNG	VSP02	85	1	10		62	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HOÀNG	VSP02	83-84	2	12		72	CODIEN	Vietnamese
22	HOÀNG MINH SƠN	VSP02	94	1	7		74	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

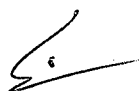
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	20	113	1.526	70	18		
	TOTAL	22	20	113	1.526	70	18		
	WEIGHT KG			113	1.526	70			

GRAND TOAL: 1.639 KGS + 70 = 1709

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: P6 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: TTrung - Nam - MQUÂN	ETA: 11:20
CAM-2			

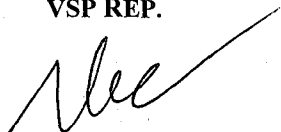
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC HÙNG	P6	92	1	15		74	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN TUẤN ANH	P6	93-94	2	10		65	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM MINH VU	P6	95	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VU THANG	AMD	51	1	10	30	72	KH-THAC	Vietnamese
5	HỖ TẠC SANG	AMD	38	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN LÊ HOÀ	AMD	34	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HIỆU THAO	AMD	52	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	35	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	56	1	15		70	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	42	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC NHÀ	AMD	47-48	2	12		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN HỮU ĐĂNG	AMD	43-44	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
13	VÔ TRUNG HIỆU	AMD	32-33	2	10		83	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SY QUYÊN	AMD	49	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	36-37	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HOAT	AMD	39-40	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DUY LAM	AMD	41	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	50	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	31	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG KIẾN	AMD	45	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	53	1	11		81	KH-THAC	Vietnamese
22	VU VAN THAM	AMD	46	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	4	37	214	0	0		
2	AMD	19	24	171	1.312	30	19		
TOTAL		22	28	208	1.526	30	19		
WEIGHT KG				208	1.526	30			

GRAND TOAL: 1.764 KGS

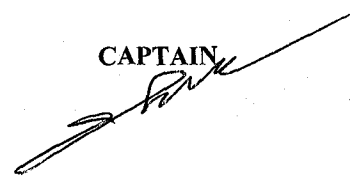
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: P8 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Hôi - MTHAO - Trường	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG ĐÌNH	P8	37	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN MẠNH VƯƠNG	P8	27-28	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
3	PHAN VĂN HOC	P8	29	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN CẨM	P8	33-34	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN LỘC	P8	26	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	HOÀNG ANH THÂN	P8	38-39	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	P8	30	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
8	DANG XUAN THANG	P8	35-36	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC DANH	P8	31-32	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P8	41	1	5		75	PSV	Vietnamese
11	VŨ VĂN PHÚC	P8	40	1	5		55	PSV	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN HOA	CTK3					70	YTE	Vietnamese
13	NGO SY ĐỨC <i>CNV</i>	CTK3	02	1	12		85	HVJOC	Vietnamese
14	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI TIEN DUNG	CTK3	03	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	06	1	5	40	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CUÔNG	CTK3	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	12	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	01	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐO VĂN TRÍ	CTK3	07	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	MOHD IRWANIZA <i>CNV</i>	CTK3	04-05	2	17		95	KH-THAC	Malaysian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	11	16	152	748	0	0		
2	CTK3	10	9	58	714	40	12		
TOTAL		21	25	210	1.462	40	12		
WEIGHT KG				210	1.462	40			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

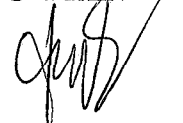
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2019	TO: BK14 - TD1 - CNV	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Cương - Khanh - TDUNG	ETA: 11:40
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH TUÂN	BK14	48	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG TUÂN ANH	BK14	45	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU SỸ	BK14	47	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI MINH HAI	BK14	43	1	5	35	72	KH-THAC	Vietnamese
5	CHERNIAVSKY	BK14	46	1	10		110	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN MINH GIAU	BK14	44	1	3		65	PSV	Vietnamese
7	VŨ ANH TUÂN	TD1	35	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUÂN	TD1	34	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	TD1	36	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC HÀ	TD1	33	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN GIANG	TD1	37	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN DŨNG	TD1	38	1	8		95	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD1	32	1	5		97	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HOÀI NAM	TD1	31	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
15	ĐỖ XUÂN LINH	TD1	27-28	2	15		81	CODIEN	Vietnamese
16	CAO ĐẶC DÂN	TD1	29-30	2	14		69	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	21	1	3	15	68	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐINH VĂN SƠN	CNV	19	1	3	65	76	KH-THAC	Vietnamese
19	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	98	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC TRI	CNV					67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT LONG	CNV	20	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐÀU ĐỨC NGỌC	CNV	99	1	3		85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	6	6	34	484	35	4		
2	TD1	10	12	109	782	0	0		
3	CNV	6	5	20	442	80	6		
TOTAL		22	23	163	1.708	115	10		
WEIGHT KG				163	1.708	115			

GRAND TOAL: 1.986 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/02/2019	TO: PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - Luy	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY XUÂN TRUNG	PPD	52-53	2	17		66	YTE	Vietnamese
2	PHẠM QUỐC HIẾN	PPD					68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ XUÂN MINH	PPD	55	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	66	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SỸ KHOA	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN DANH TUÂN	PPD					64	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD	58	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH NAM	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VĂN THẮNG	PPD	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN VINH	PPD	54	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	65	1	4	45	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	50	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	TÔ QUANG HUY	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	56	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
18	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	60	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	57	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NHƯ Y	PPD	59	1	6		62	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN BẦU	PPD	51	1	5		62	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

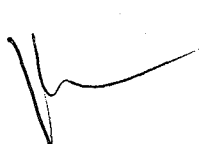
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	22	14	82	1.503	45	21		
	TOTAL	22	14	82	1.503	45	21		
	WEIGHT KG			82	1.503	45			

GRAND TOAL: 1.630 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2019	TO: CTK3 - BK9	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: TTrung - Nam - MQUÂN	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN MINH	CTK3	19	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	CTK3					52	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐÀO THÈ HÙNG	CTK3	20	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM BA HOANG	CTK3	24-25	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN NGỌC THƯƠNG	CTK3	26	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG ƯỐC	CTK3	35	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THIÊN TOÀN	CTK3	27	1	20		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	33	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO ĐỨC THĂNG	CTK3	34	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	13	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ NGỌC CHÍNH	CTK3	23	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUANG HOÀN	CTK3					67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	15	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	14	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	16	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH ĐIỆN	CTK3	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	28-29	2	6		67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	30	1	3		49	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH HÒA	CTK3	17	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU VIỆT	CTK3	18	1	8		71	ANTOAN	Vietnamese
21	PHẠM THANH NGHĨA	CTK3	21-22	2	15		90	ANTOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN DỤC HÙNG	CTK3	31	1	8		46	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	23	145	1.509	0	17		
2	BK9	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	23	145	1.509	0	21		
WEIGHT KG				145	1.509	0			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/02/2019	TO: RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Hồi - MTHAO - Trường	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HUY	RP3	51-52	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LỘC	RP3	40	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VAN TRIỆU	RP3	35	1	7		72	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM THÈ TRƯỞNG	RP3	27-28	2	17		67	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN BA	RP3	47-48	2	11	15	70	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VIỆT HỮU	RP3	42	1	10		56	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ TRI HAI	RP3	25-26	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM NGỌC THẮNG	RP3	38-39	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG BA THẮNG	RP3	41	1	17		65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN KIM HA	RP3	84	1	17		62	XAYLAP	Vietnamese
11	TRINH ĐẶC HÙNG	RP3	49	1	17		67	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC MINH	RP3	43	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN CAO TRI	RP3	56-57	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN TRUNG SY	RP3	50	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
15	LƯU ĐỨC THỊNH	RP3	45-46	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN VIỆT MINH	RP3	54-55	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
17	HUYNH KY MINH TUAN	RP3	29-30	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN QUAN	RP3	53	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
19	LE VAN DONG	RP3	33-34	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC VÂN	RP3	36-37	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐOÀN ĐỨC THỌ	RP3	31-32	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
22	BUI SƠN HAI	RP3	44	1	15		64	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	34	340	1.451	15	5		
TOTAL		22	34	340	1.451	15	5		
WEIGHT KG				340	1.451	15			

GRAND TOAL: 1.806 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/02/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2	7:25	22	0		18	0	
2		TD2+PVD6+RCDM	7:25	9+1+10	0+0+0		7+4+0	0+0+0	
3		P7	9:25	21	0+0		10	0+0	
4		RP3-TD1+P7	9:25	15+7	0+0		0+0+10	0+0	

TTĐBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/02/2019	TO: TD2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:10
XANH-1			

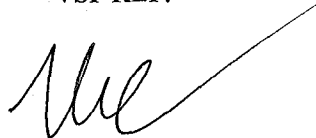
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD2	10	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	12	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
3	DOMIN IU.A	TD2	04	1	10		82	KHOAN	Russian
4	HOÀNG MẠNH HUNG	TD2	16	1	5		83	GETRACO	Vietnamese
5	BUI VĂN THẮNG	TD2	18	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
6	TÔ ĐÌNH TŨ	TD2	21	1	5	100	68	YTE	Vietnamese
7	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	05	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	08	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					67	KHOAN	Vietnamese
10	BUI TRUNG THỌ	TD2					68	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ ANH QUÂN	TD2					82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	09	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	13	1	5		54	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	07	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	11	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MINH HAI	TD2	06	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	03	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG KHÁC	TD2	20	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	01-02	2	20		58	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM THẾ TÂM	TD2	14-15	2	14		78	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHÍ CÔNG	TD2	19	1	5		68	NIPI	Vietnamese
22	TRẦN VĂN VIỆT A	TD2	17	1	3		85	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

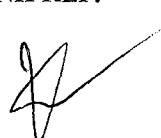
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	22	21	119	1.605	100	18		
	TOTAL	22	21	119	1.605	100	18		
	WEIGHT KG			119	1.605	100			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

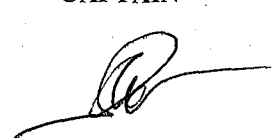
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2019	TO: TD2 - PVD6 - RCDM	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Khanh - TDUNG	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐẠI DƯƠNG	TD2	28	1	2		77	GETRACO	Vietnamese
2	TRẦN HỮU THƯỜNG	TD2	27	1	5		83	GETRACO	Vietnamese
3	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	29	1	2		57	GETRACO	Vietnamese
4	ĐINH EM	TD2	34	1	3		69	GETRACO	Vietnamese
5	ĐÀU VĂN XUÂN	TD2	30	1	3		63	GETRACO	Vietnamese
6	ĐINH ANH DUNG	TD2	23	1	3		77	GETRACO	Vietnamese
7	VŨ MẠNH THẮNG	TD2	26	1	6		70	GETRACO	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC THẮNG	TD2	31-32	2	11		67	PV DRILL	Vietnamese
9	LÊ VĂN CÔNG	TD2	33	1	8		75	DMC	Vietnamese
10	LÊ GIÁP	PVD6	44	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT DUNG	RCDM	23	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGỰ	RCDM	20	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN CHI HA	RCDM	24	1	15	40	68	XAYLAP	Vietnamese
14	LƯU QUY DUNG	RCDM	800	1	9		53	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HA	RCDM	19	1	17		68	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ QUY BƯỞNG	RCDM	27	1	11		59	XAYLAP	Vietnamese
17	NINH VĂN SƠN	RCDM	28-29	2	12		72	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VINH	RCDM	49-50	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	RCDM	25-26	2	12		67	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG VAN LAM	RCDM	21-22	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	9	10	43	638	0	7		
2	PVD6	1	1	5	73	0	0		
3	RCDM	10	14	118	663	40	0		
TOTAL		20	25	166	1.374	40	7		
WEIGHT KG				166	1.374	40			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2019	TO: P7	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:45
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - Khanh - TDUNG	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BA LƯỢNG	P7					67	KHOAN	Vietnamese
2	BUI NGOC LAM	P7	11	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUY HUNG	P7	12	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
4	VU VAN QUY	P7	01	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN XUÂN	P7	03	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN BÌNH	P7	04	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG HAO	P7	07	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KHOAN*PK-PVD	P7	08	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CHÂN	P7	05	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TUÂN LONG	P7	10	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P7	06	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO VĂN PHAN	P7	14	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
13	VU HUU CHINH	P7	17	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE BA HOA	P7	15	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUY TAI	P7	13	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN TAM	P7	09	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
17	VU TRUNG KIEN	P7	16	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THIEN SON	P7	23-24	2	15		65	DVL	Vietnamese
19	PHẠM HAI LONG	P7	20	1	8		77	DVL	Vietnamese
20	PHẠM VĂN SANG	P7	18	1	12		68	DVL	Vietnamese
21	VÔ CHÍ THANH	P7	22	1	9		75	DVL	Vietnamese
22	VU DINH QUANG	P7	19	1	11		77	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	22	156	1.485	0	10		
TOTAL		22	22	156	1.485	0	10		
WEIGHT KG				156	1.485	0			

GRAND TOAL: 1.641 KGS.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/02/2019	TO: RP3 - TD1 - P7	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA VAN CANH	RP3	59	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TUNG	TD1	56	1	10	70	72	SHINTRAC	Vietnamese
3	MAC DUC TRONG	TD1	43	1	5		58	SHINTRAC	Vietnamese
4	LUONG VAN DINH	TD1	47	1	10		65	SHINTRAC	Vietnamese
5	LUONG VAN HANH	TD1	54	1	8		69	SHINTRAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUC HOA	TD1	45	1	4		63	SHINTRAC	Vietnamese
7	NGUYEN CANH CHUNG	TD1	49	1	12		60	SHINTRAC	Vietnamese
8	DANG VAN TUAN	TD1	48	1	5		63	SHINTRAC	Vietnamese
9	HO MINH TAN	TD1	53	1	6		90	SHINTRAC	Vietnamese
10	NGUYEN CO THACH	TD1	55	1	7		70	SHINTRAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUAN	TD1	50	1	7		60	SHINTRAC	Vietnamese
12	DO VAN TRUNG	TD1	44	1	5		62	SHINTRAC	Vietnamese
13	TRAN DANG QUYNH	TD1	41-42	2	12		74	SHINTRAC	Vietnamese
14	VU VAN TUYEN	TD1	51-52	2	8		63	SHINTRAC	Vietnamese
15	DINH CHI THAM	TD1	46	1	12		56	SHINTRAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUAN	TD1	57	1	10		68	SHINTRAC	Vietnamese
17	LA TUAN LINH	P7	14,68	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese
18	HOANG THANH SON	P7	96	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN NGOC TUAN ANH	P7	97	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYEN DINH PHUONG	P7	99	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
21	TRUONG DUC MANH	P7	98	1	20		75	XAYLAP	Vietnamese
22	NGO DINH NHAT MINH	P7	15,90	2	14		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	1	1	10	64	0	0		
2	TD1	15	17	121	993	70	0		
3	P7	6	8	73	423	0	10		
TOTAL		22	26	204	1.480	70	10		
WEIGHT KG				204	1.480	70			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/02/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+RC6	7:25	22+0	0+0		18+2	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		15	0	
3		P4+BK8+TD5	9:25	15+3+4	0+0+0		10+0+4	0+0+0	
4		P1+BK8	9:25	14+8	0+0		5+0	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2019	TO: TD5 - RC6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - NNam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG HỒNG LĨNH	TD5	08	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
2	HA VAN DUNG	TD5	02	1	4		87	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN MINH HIU	TD5	04	1	3		84	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN ĐANG NGOC	TD5	18	1	4		76	PSV	Vietnamese
5	TRAN MINH HUNG	TD5	20	1	5		81	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN NHU Y	TD5					81	KHOAN	Vietnamese
7	HO HOAN KIEM	TD5	15	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TAN TAI	TD5	11	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
9	BAO NGUYEN LOC	TD5	12	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN QUYET TIEN	TD5	05	1	4		86	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN BA HOA	TD5	16	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH ANH TRUONG	TD5	06	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
13	LE VU NGOC	TD5	14	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TINH*KSCN	TD5	13	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
15	DOAN TRUNG KIEN	TD5	21	1	6		58	PSV	Vietnamese
16	TRAN TUAN ANH	TD5	01	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU TRIET	TD5	09	1	10		64	DVL	Vietnamese
18	ĐANG VIET CUONG	TD5	10	1	9		67	DVL	Vietnamese
19	TRAN TRUNG THANG	TD5	19	1	4		75	PSV	Vietnamese
20	ĐANG VAN THUAN	TD5	07	1	5		85	PSV	Vietnamese
21	TRINH QUOC HUNG	TD5	17	1	3		73	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG LONG	TD5	03	1	3		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	22	21	108	1.637	0	19		
2	RC6	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	21	108	1.637	20	21		
WEIGHT KG				108	1.637	20			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2019	TO: TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: TD3	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VĂN HÂN	TD3	40	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	45	1	5		45	YTE	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG HOA	TD3	46	1	6	40	68	KHOAN	Vietnamese
4	KARPUNIN ALEXEY	TD3	43	1	10		98	KHOAN	Russian
5	BUI ANH TU	TD3	35	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TUẤN ANH	TD3	34	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ VĂN KHOA	TD3	42	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	VÕ VĂN DŨNG	TD3	38	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN LÊ KIẾN	TD3	37	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ DUY CHÍNH	TD3					65	KHOAN	Vietnamese
11	KHUAT QUANG KIẾN	TD3	41	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ HÙNG ANH	TD3	39	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	HA VĂN PHÚC	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	44	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	56	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
16	DUƠNG VĂN SƠN	TD3	27	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC THANH	TD3	30	1	14		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TUẤN NINH	TD3	31	1	5	13	72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	49-50	2	10	20	69	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ TRUNG KIẾN	TD3	28-29	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN ANH TUẤN	TD3	53	1	10	37	57	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG AN	TD3	36	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	22	136	1.537	110	15		
TOTAL		22	22	136	1.537	110	15		
WEIGHT KG				136	1.537	110			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/02/2019	TO: P4 - BK8 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: P4-BK8	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - NNam	ETA: 11:20
DO-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NGHI	P4	45	1	3		73	PSV	Vietnamese
2	TRẦN THANH LIÊM	P4	39	1	7	20	67	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	42	1	5		83	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN AI	P4	43	1	3		57	PSV	Vietnamese
5	ĐỖ KHẮC ĐA	P4	49	1	4		66	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN AN	P4	37	1	5		58	KHI	Vietnamese
7	VŨ TRỌNG TỰ	P4	35	1	4		60	KHI	Vietnamese
8	ĐỖ VĂN CUÔNG	P4	36	1	6		68	KHI	Vietnamese
9	PHẠM VĂN THIẾT	P4	47	1	7		68	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN HAI	P4	38	1	5		83	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	46	1	5		80	PSV	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	P4	41	1	3		64	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC TRỌNG	P4	40	1	8		60	PSV	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TUÂN	P4	44	1	5		72	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN PHÚC	P4	48	1	5		88	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	BK8	05-06	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM TẤT LỰC	BK8	03-04	2	20	20	74	XAYLAP	Vietnamese
18	VŨ THẾ CHUYỀN	BK8	02	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
19	PHẠM QUANG HUY	TD5	25	1	4		64	PSV	Vietnamese
20	NGO VĂN GIAO	TD5	23	1	5		90	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG ANH HAI	TD5	24	1	6		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

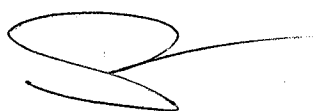
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	15	15	75	1.047	20	10		
2	BK8	3	5	50	210	20	0		
3	TD5	3	3	15	208	0	4		
TOTAL		21	23	140	1.465	40	14		
WEIGHT KG				140	1.465	40			

GRAND TOAL: 1.645 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/02/2019	TO: P1 - BK8	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: P1-BK8	FROM: VT	CREW: Hồi - QViệt - HIẾU	ETA: 11:25
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P1	33	1	7		67	PSV	Vietnamese
2	PHAN TRỌNG MINH	P1	29	1	8		71	PSV	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	31	1	7		60	PSV	Vietnamese
4	PHAN VĂN AN	P1	32	1	9		61	PSV	Vietnamese
5	ĐỖ NGỌC TÂM	P1	18	1	9		89	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN NINH	P1	19-20	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐÀO MINH TIẾN	P1	21-22	2	15	15	65	XAYLAP	Vietnamese
8	TRƯƠNG MINH THANG	P1	24	1	9		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH PHÚC	P1	25-26	2	15		51	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC LỢI	P1	16-17	2	15		64	XAYLAP	Vietnamese
11	PHI ĐỨC THỊNH	P1	23	1	9		60	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ ĐỨC TUYẾN	P1	27	1	15		83	XAYLAP	Vietnamese
13	PHẠM VĂN LƯƠNG	P1	28	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN DUY HIẾU	P1	30	1	12		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK8	38-39	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	DƯƠNG VĂN TUẤN	BK8	44-45	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI VĂN HỘI	BK8	34	1	14		52	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HOÀN	BK8	41-42	2	14		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN PHÚC SANG	BK8	36-37	2	12		60	XAYLAP	Vietnamese
20	PHẠM ĐÌNH HÙNG	BK8	35	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VĂN LẠC	BK8	40	1	15		92	XAYLAP	Vietnamese
22	DINH VĂN LƯU	BK8	43	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	14	18	157	934	15	5		
2	BK8	8	12	98	515	0	0		
TOTAL		22	30	255	1.449	15	5		
WEIGHT KG				255	1.449	15			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN